CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA 2019
BACHELOR PROGRAM - YEAR 2019
KHOA : Khoa Quản Lý Công Nghiệp
FACULTY : School of Industrial Management

DHQLCN_QKD2019

Ngành (Major) : Quản lý Công nghiệp(Industrial Management)
Tổng số tín chỉ (Total credit) : 130
Mô tả (Description) :
Bằng cấp : Cử Nhân/Bachelor

1.Khối kiến thức (Subject Group)

STT No.	MSMH Subject	Tên Môn Học Subject Title	Tín chỉ Credit	Khối Kiến Thức Subject Group
			95	A.Các môn bắt buộc A.Compulsary Courses
1	IM1017	THONG KE TRONG KINHDOANH Statistics for Business	3	Toán và Khoa học Tự nhiên Mathematics and Basic Science
2	MT1007	DAI SO TUYEN TINH Linear Algebra	3	Toán và Khoa học Tự nhiên Mathematics and Basic Science
3	MT1017	GIAI TICH TROG KINHDOANH Calculus for Business	3	Toán và Khoa học Tự nhiên Mathematics and Basic Science
4	CH1003	HOA DAI CUONG General Chemistry	3	Toán và Khoa học Tự nhiên Mathematics and Basic Science
5	SP1007	PH/LUAT VIETNAM DAICUONG Introduction to Vietnamese Law	2	Chính trị, Kinh tế, Văn hóa, Xã hội Socials and Economics
6	SP1033	K/TE CHINH TRI MAC-LENIN Marxist - Leninist Political Economy	2	Chính trị, Kinh tế, Văn hóa, Xã hội Socials and Economics
7	SP1035	CHU NGHIA XA HOI KHOAHOC Scientific Socialism	2	Chính trị, Kinh tế, Văn hóa, Xã hội Socials and Economics
8	SP1037	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	2	Chính trị, Kinh tế, Văn hóa, Xã hội Socials and Economics
9	SP1039	LICH SU DANG CONG SAN VN History of Vietnamese Communist Party	2	Chính trị, Kinh tế, Văn hóa, Xã hội Socials and Economics
10	SP1031	TRIET HOC MAC - LENIN Marxist - Leninist Philosophy	3	Chính trị, Kinh tế, Văn hóa, Xã hội Socials and Economics
11	IM1001	GIOI THIEU NGANH Orientation to Management Studies	3	Nhập môn Introduction to Engineering
12	IM3051	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội Business Ethics and Corporate Social Responsibility	3	Con người và Môi trường Humans and Environment
13	LA1003	Anh văn 1 English 1	2	Ngoại ngữ Foreign Languages
14	LA1005	Anh văn 2 English 2	2	Ngoại ngữ Foreign Languages
15	LA1007	Anh văn 3 English 3	2	Ngoại ngữ Foreign Languages
16	LA1009	Anh văn 4 English 4	2	Ngoại ngữ Foreign Languages
17	IM1003	KINH TE HOC VI MO Microeconomics	3	Cơ sở ngành Core Courses
18	IM1007	QUAN TRI DAI CUONG Fundamentals of Management	3	Cơ sở ngành Core Courses
19	IM1009	KINH TE HOC VI MO Macroeconomics	3	Cơ sở ngành Core Courses
20	IM1015	KE TOAN TAI CHINH Financial Accounting	3	Cơ sở ngành Core Courses

STT No.	MSMH Subject	Tên Môn Học Subject Title	Tín chỉ Credit	Khối Kiến Thức Subject Group
21	IM1019	TIEP THI CAN BAN Principle of Marketing	3	Cơ sở ngành Core Courses
22	IM1029	HE THONG SAN XUAT Manufacturing Systems	3	Cơ sở ngành Core Courses
23	IM1011	Máy tính trong kinh doanh Computer in Business	3	Ngành Major Courses
24	IM2017	Hành vi tổ chức Organizational Behavior	3	Ngành Major Courses
25	IM2019	Kế toán quản trị Managerial Accounting	3	Ngành Major Courses
26	IM2029	THUC TAP NHAN THUC Field Trip	2	Ngành Major Courses
27	IM2031	QUAN LY SAN XUAT Production and Operations Management	3	Ngành Major Courses
28	IM2033	TAI CHINH DOANH NGHIEP Corporate Finance	3	Ngành Major Courses
29	IM2035	PHUONG PHAP DINH LUONG Quantitative Methods	3	Ngành Major Courses
30	IM3047	Giao tiếp trong kinh doanh Business Communication	3	Ngành Major Courses
31	IM3059	QUAN LY CHIEN LUOC Strategic Management	3	Ngành Major Courses
32	IM3063	Quản lý chất lượng Quality Management	3	Ngành Major Courses
33	IM3069	Khởi nghiệp Entrepreneurship	3	Ngành Major Courses
34	IM3087	Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	3	Ngành Major Courses
35	IM4001	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh Research Methods for Business	3	Ngành Major Courses
			38	B.Các môn bắt buộc và tự chọn của chuyên ngành B.Compulsary and Elective Major Courses
36	IM3325	THUC TAP NGOAI TRUONG Internship	2	Tốt nghiệp Graduation Practice/ Projects
37	IM4033	Đồ án chuyên ngành Project	2	Tốt nghiệp Graduation Practice/ Projects
38	IM4327	Khóa luận tốt nghiệp Capstone Project	4	Tốt nghiệp Graduation Practice/ Projects
			30	B.2.Tự chọn B.2.Elective Courses
39	IM3023	Thương mại điện tử Electronic Commerce	3	Tự chọn nhóm A Elective Courses - Group A
40	IM3055	Quản lý nhân sự Human Resource Management	3	Tự chọn nhóm A Elective Courses - Group A
41	IM3041	HE HO TRO Q/DINH & TTKD Decision Support and Business Intelligence Systems	3	Tự chọn nhóm A Elective Courses - Group A
42	IM3081	QUAN TRI K/DOANH QUOC TE International Business Management	3	Tự chọn nhóm A Elective Courses - Group A
43	IM3083	HANH VI NGUOI TIEU DUNG Consumer Behavior	3	Tự chọn nhóm A Elective Courses - Group A
44	IM3085	TAI CHINH QUOC TE International Finance	3	Tự chọn nhóm A Elective Courses - Group A

STT No.	MSMH Subject	Tên Môn Học Subject Title	Tín chỉ Credit	Khối Kiến Thức Subject Group
45	IM3009	Hệ thống tài chính Financial System	3	Tự chọn nhóm A Elective Courses - Group A
46	IM3033	Tiếp thị giữa các tổ chức Business to Business Marketing	3	Tự chọn nhóm A Elective Courses - Group A
47	IM4007	Kế hoạch kinh doanh Business Plan	3	Tự chọn nhóm A Elective Courses - Group A
48	IM4019	Khoa học dữ liệu trong kinh doanh Data scicence for Business	3	Tự chọn nhóm A Elective Courses - Group A
49	CH3389	Phát triển bền vững và công nghệ xử lý môi trường Sustainable Development and Environmental Treament Technology	4	Tự chọn nhóm B Elective Courses - Group B
50	CO1027	KY THUAT LAP TRINH Programming Fundamentals	3	Tự chọn nhóm B Elective Courses - Group B
51	CO2013	HE CO SO DU LIEU Database Systems	4	Tự chọn nhóm B Elective Courses - Group B
52	EN3087	BIEN DOI KHI HAU Climate Change	3	Tự chọn nhóm B Elective Courses - Group B
53	EN3099	CONG NGHE XANH Green Technology	3	Tự chọn nhóm B Elective Courses - Group B
54	GE1013	KHOA HOC TRAI DAT Earth Science	4	Tự chọn nhóm B Elective Courses - Group B
			9	B.2.4.Tự chọn Tự do B.2.4.Free Elective Courses
55	MI1003	GIAO DUC QUOC PHONG Military Training	0	Chứng chỉ Certificates
56	PE1003	Giáo dục thể chất 1 Physical Education 1	0	Chứng chỉ Certificates
57	PE1005	Giáo dục thể chất 2 Physical Education 2	0	Chứng chỉ Certificates
58	PE1007	Giáo dục thể chất 3 Physical Education 3	0	Chứng chỉ Certificates

2.Kế hoạch giảng dạy (Course list & Schedule)

Học Kỳ Sem.	STT No.	Mã MH Subject	Tên Môn Học Subject Title	BB/TC	Số Tín Chỉ Credit	Số Tiết Period
Kế hoạch giảng dạy (Học kỳ 1 - 2019)						
	1	LA1003	Anh văn 1 English 1	BB	2	67.5
	2	MI1003	GIAO DUC QUOC PHONG Military Training	BB	0	0
	3	PE1003	Giáo dục thể chất 1 Physical Education 1	BB	0	30
	4	MT1007	DAI SO TUYEN TINH Linear Algebra	BB	3	68
	5	IM1001	GIOI THIEU NGANH Orientation to Management Studies	BB	3	69
	6	CH1003	HOA DAI CUONG General Chemistry	BB	3	65
	7	IM1015	KE TOAN TAI CHINH Financial Accounting	BB	3	75
	8	IM1003	KINH TE HOC VI MO Microeconomics	BB	3	75

Học Kỳ Sem.	STT No.	Mã MH Subject	Tên Môn Học Subject Title	BB/TC	Số Tín Chỉ Credit	Số Tiết Period
Kế hoạch giảng dạy (Học kỳ 2 - 2019)						
	1	LA1005	Anh văn 2 English 2	BB	2	67.5
	2	PE1005	Giáo dục thể chất 2 Physical Education 2	BB	0	30
	3	MT1017	GIAI TICH TROG KINHDOANH Calculus for Business	BB	3	63
	4	IM1017	THONG KE TRONG KINHDOANH Statistics for Business	BB	3	75
	5	IM1009	KINH TE HOC VI MO Macroeconomics	BB	3	75
	6	IM1007	QUAN TRI DAI CUONG Fundamentals of Management	BB	3	75
	7	IM1019	TIEP THI CAN BAN Principle of Marketing	BB	3	75
Kế hoạch giảng dạy (Học kỳ 3 - 2019)						
	1	LA1007	Anh văn 3 English 3	BB	2	67.5
	2	SP1031	TRIET HOC MAC - LENIN Marxist - Leninist Philosophy	BB	3	69
	3	PE1007	Giáo dục thể chất 3 Physical Education 3	BB	0	30
	4	IM2019	Kế toán quản trị Managerial Accounting	BB	3	75
	5	IM2017	Hành vi tổ chức Organizational Behavior	BB	3	75
	6	IM1011	Máy tính trong kinh doanh Computer in Business	BB	3	75
	7	IM1029	HE THONG SAN XUAT Manufacturing Systems	BB	3	75
Kế hoạch giảng dạy (Học kỳ 4 - 2019)						
	1	LA1009	Anh văn 4 English 4	BB	2	67.5
	2	SP1033	K/TE CHINH TRI MAC-LENIN Marxist - Leninist Political Economy	BB	2	42
	3	IM2031	QUAN LY SAN XUAT Production and Operations Management	BB	3	75
	4	IM2033	TAI CHINH DOANH NGHIEP Corporate Finance	BB	3	75
	5	IM2035	PHUONG PHAP DINH LUONG Quantitative Methods	BB	3	75
	6	IM2029	THUC TAP NHAN THUC Field Trip	BB	2	180
Kế hoạch giảng dạy (Học kỳ 5 - 2019)						
	1	SP1035	CHU NGHIA XA HOI KHOAHOC Scientific Socialism	BB	2	42
	2	IM3047	Giao tiếp trong kinh doanh Business Communication	BB	3	69
	3	IM3087	Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	BB	3	75

Học Kỳ Sem.	STT No.	Mã MH Subject	Tên Môn Học Subject Title	BB/TC	Số Tín Chỉ Credit	Số Tiết Period
	4	IM3063	Quản lý chất lượng Quality Management	BB	3	69
	5	--	Các môn tự chọn nhóm A (chọn 3 TC trong các môn sau) IM3055 hoặc IM3023 Elective Courses - Group A (Choose 3 Credits among these subjects) IM3055 or IM3023	--	3	40
	6	--	Tự chọn nhóm B Elective Courses - Group B	--	3	--
Kế hoạch giảng dạy (Học kỳ 6 - 2019)						
	1	SP1039	LICH SU DANG CONG SAN VN History of Vietnamese Communist Party	BB	2	42
	2	IM3059	QUAN LY CHIEN LUOC Strategic Management	BB	3	75
	3	IM3325	THUC TAP NGOAI TRUONG Internship	BB	2	180
	4	--	Các môn tự chọn tự do (Chọn 3 tín chỉ) Free Elective Courses (Choose 3 credits)	--	3	40
	5	--	Các môn tự chọn nhóm A (Chọn 6 TC trong các môn): IM3081; IM3083; IM3085; IM3041 Free Elective Courses - Group A (Choose 6 credits among these subjects): IM3081; IM3083; IM3085; IM3041	--	6	40
Kế hoạch giảng dạy (Học kỳ 7 - 2019)						
	1	SP1037	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	BB	2	42
	2	IM3051	Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội Business Ethics and Corporate Social Responsibility	BB	3	75
	3	IM4001	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh Research Methods for Business	BB	3	69
	4	IM4033	Đồ án chuyên ngành Project	BB	2	90
	5	--	Các môn tự chọn nhóm A (chọn 6 TC trong các môn sau): IM4007; IM4019; IM3009; IM3033 Free Elective Courses - Group A (choose 6 credits among these subjects): IM4007; IM4019; IM3009; IM3033	--	6	40
Kế hoạch giảng dạy (Học kỳ 8 - 2019)						
	1	SP1007	PH/LUAT VIETNAM DAICUONG Introduction to Vietnamese Law	BB	2	42
	2	IM3069	Khởi nghiệp Entrepreneurship	BB	3	63
	3	IM4327	Khóa luận tốt nghiệp Capstone Project	BB	4	240
	4	--	Các môn tự chọn tự do (Chọn 6 TC) Free Elective Courses (Choose 6 credits)	--	6	40

3.Danh sách môn học điều kiện

- Tiên quyết (Prerequisite): TQ
- Học trước (Recommended-courses): HT
- Song hành (Co-requisite Courses): SH

Môn Học 1 Subject Title 1	Điều Kiện Conditions	Môn Học 2 Subject Title 2
LA1003 - Anh văn 1	Học trước Recommended-Courses	LA1005 - Anh văn 2

Môn Học 1 Subject Title 1	Điều Kiện Conditions	Môn Học 2 Subject Title 2
PE1003 - Giáo dục thể chất 1	Học trước Recommended-Courses	PE1005 - Giáo dục thể chất 2
PE1005 - Giáo dục thể chất 2	Học trước Recommended-Courses	PE1007 - Giáo dục thể chất 3
IM1003 - KINH TE HOC VI MO	Học trước Recommended-Courses	IM1009 - KINH TE HOC VI MO
LA1005 - Anh văn 2	Học trước Recommended-Courses	LA1007 - Anh văn 3
LA1007 - Anh văn 3	Học trước Recommended-Courses	LA1009 - Anh văn 4
CO2025 - Tin học quản lý	Học trước Recommended-Courses	CO2013 - HE CO SO DU LIEU
IM1001 - GIOI THIEU NGANH	Học trước Recommended-Courses	IM2029 - THUC TAP NHAN THUC
IM1007 - QUAN TRI DAI CUONG	Học trước Recommended-Courses	IM3055 - Quản lý nhân sự
IM1007 - QUAN TRI DAI CUONG	Học trước Recommended-Courses	IM3051 - Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội
IM2017 - Hành vi tổ chức	Học trước Recommended-Courses	IM3051 - Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội
SP1031 - TRIET HOC MAC - LENIN	Học trước Recommended-Courses	SP1033 - K/TE CHINH TRI MAC-LENIN
IM1019 - TIEP THI CAN BAN	Học trước Recommended-Courses	IM3033 - Tiếp thị giữa các tổ chức
IM1007 - QUAN TRI DAI CUONG	Học trước Recommended-Courses	IM3059 - QUAN LY CHIEN LUOC
IM1009 - KINH TE HOC VI MO	Học trước Recommended-Courses	IM3059 - QUAN LY CHIEN LUOC
IM2033 - TAI CHINH DOANH NGHIEP	Học trước Recommended-Courses	IM3009 - Hệ thống tài chính
IM1019 - TIEP THI CAN BAN	Học trước Recommended-Courses	IM4001 - Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh
IM1007 - QUAN TRI DAI CUONG	Học trước Recommended-Courses	IM4001 - Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh
IM1017 - THONG KE TRONG KINHDOANH	Tiên quyết Prerequisite	IM4001 - Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh
IM1011 - Máy tính trong kinh doanh	Học trước Recommended-Courses	IM3023 - Thương mại điện tử

Môn Học 1 Subject Title 1	Điều Kiện Conditions	Môn Học 2 Subject Title 2
IM1019 - TIEP THI CAN BAN	Học trước Recommended-Courses	IM4007 - Kế hoạch kinh doanh
IM3055 - Quản lý nhân sự	Học trước Recommended-Courses	IM4007 - Kế hoạch kinh doanh
IM2031 - QUAN LY SAN XUAT	Học trước Recommended-Courses	IM4007 - Kế hoạch kinh doanh
IM2033 - TAI CHINH DOANH NGHIEP	Học trước Recommended-Courses	IM4007 - Kế hoạch kinh doanh
IM1015 - KE TOAN TAI CHINH	Học trước Recommended-Courses	IM4007 - Kế hoạch kinh doanh
SP1033 - K/TE CHINH TRI MAC-LENIN	Học trước Recommended-Courses	SP1035 - CHU NGHIA XA HOI KHOAHOC
SP1035 - CHU NGHIA XA HOI KHOAHOC	Học trước Recommended-Courses	SP1039 - LICH SU DANG CONG SAN VN
SP1039 - LICH SU DANG CONG SAN VN	Học trước Recommended-Courses	SP1037 - Tư tưởng Hồ Chí Minh
IM2029 - THUC TAP NHAN THUC	Học trước Recommended-Courses	IM3325 - THUC TAP NGOAI TRUONG
IM4033 - Đồ án chuyên ngành	Tiên quyết Prerequisite	IM4327 - Khóa luận tốt nghiệp
IM1019 - TIEP THI CAN BAN	Học trước Recommended-Courses	IM3083 - HANH VI NGUOI TIEU DUNG
CH2019 - QUATRINH &THIET BI COHOC	Học trước Recommended-Courses	CH3389 - Phát triển bền vững và công nghệ xử lý môi trường
CH2043 - Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	Học trước Recommended-Courses	CH3389 - Phát triển bền vững và công nghệ xử lý môi trường
CH2051 - Quá trình và thiết bị truyền khối	Học trước Recommended-Courses	CH3389 - Phát triển bền vững và công nghệ xử lý môi trường
IM3325 - THUC TAP NGOAI TRUONG	Tiên quyết Prerequisite	IM4033 - Đồ án chuyên ngành
IM1029 - HE THONG SAN XUAT	Học trước Recommended-Courses	IM2031 - QUAN LY SAN XUAT
IM1015 - KE TOAN TAI CHINH	Học trước Recommended-Courses	IM2033 - TAI CHINH DOANH NGHIEP
IM1009 - KINH TE HOC VI MO	Học trước Recommended-Courses	IM2033 - TAI CHINH DOANH NGHIEP

4.Mục tiêu đào tạo (Program Education Objectives (P.O))

4.1 Mục tiêu đào tạo (Vietnamese)

P.O - Mục tiêu đào tạo

P.O.1 - Có hiểu biết sâu sắc về nền tảng của quản trị, có tư duy hệ thống, phân tích phản biện và có thể trình bày sự hiểu biết của mình trước đám đông (Để đáp ứng mục tiêu của người học: Học để hiểu biết).

P.O.2 - Có khả năng phân tích, giải quyết vấn đề về vận hành và quản lý những công việc cụ thể trong các doanh nghiệp sản xuất/ dịch vụ hoặc kinh doanh (Để đáp ứng mục tiêu của người học: Học để làm việc).

P.O.3 - Có năng lực tự học, sáng tạo và thích nghi thông qua công việc thực tiễn (learning by doing); Có vào khả năng hợp tác và lãnh đạo đổi mới trong tổ chức trong một hoặc một số lĩnh vực chuyên môn về sản xuất/ dịch vụ hoặc kinh doanh (Để đáp ứng mục tiêu của người học: Học để tồn tại).

P.O.4 - Là công dân toàn cầu, có trách nhiệm xã hội, có năng lực cộng tác trong môi trường đa văn hóa và góp phần vào sự phát triển chung của xã hội. (Để đáp ứng mục tiêu của người học: Học để cùng chung sống).

4.2 Mục tiêu đào tạo (English)

P.O - Program Objectives

P.O.1 - The graduates will have a solid understanding of the key business areas, system thinking and critical thinking skills, and be able to present their understanding in public (Learning to Know).

P.O.2 - The graduates will demonstrate analysis, decision-making and problem-solving abilities in the operations and management in the areas of production/ service or business (Learning to Do).

P.O.3 - The graduates will be able to self-learn, innovate and adapt through practical work (learning by doing); Have the ability of collaboration and leadership in the organization in one or some specific fields of production/ service or business (Learning to Be).

P.O.4 - The graduates will have a global mindset, social responsibility, abilities of collaboration in multicultural environment and contribute to the development of the society (Learning to live together).

5.Chuẩn đầu ra (Student Outcomes (S.O))

5.1 Chuẩn đầu ra theo CDIO (Vietnamese)

S.O - Chuẩn đầu ra CTĐT và Mục tiêu đào tạo

- S.O.1 - Đạt được kiến thức chung
  - S.O.1.1 - 1.1 Thể hiện kiến thức nền về toán
  - S.O.1.2 - 1.2 Thể hiện kiến thức nền về khoa học tự nhiên
  - S.O.1.3 - 1.3 Thể hiện kiến thức nền về con người và khoa học xã hội
  - S.O.1.4 - 1.4 Thể hiện kiến thức nền về kỹ thuật ngoài ngành
- S.O.2 - Đạt được kiến thức về các lĩnh vực chức năng của doanh nghiệp
  - S.O.2.1 - Nhận diện và phân tích bài toán kinh doanh theo lăng kính kinh tế học
  - S.O.2.2 - Nhận diện và phân tích bài toán kinh doanh theo lăng kính kế toán và tài chính
  - S.O.2.3 - Nhận diện và phân tích bài toán kinh doanh theo lăng kính tiếp thị
  - S.O.2.4 - Nhận diện và phân tích bài toán kinh doanh theo lăng kính quản lý sản xuất
  - S.O.2.5 - Nhận diện và phân tích bài toán kinh doanh theo lăng kính quản trị
  - S.O.2.6 - Nhận diện và phân tích bài toán kinh doanh theo lăng kính công cụ định lượng
- S.O.3 - Đạt được kiến thức về mối quan hệ qua lại giữa các lĩnh vực chức năng của doanh nghiệp
  - S.O.3.1 - Phân tích bài toán kinh doanh liên quan đến hai hoặc nhiều lĩnh vực chức năng
  - S.O.3.2 - Đánh giá năng lực và những khiếm khuyết của một công ty từ các khía cạnh chức năng khác nhau
- S.O.4 - Đạt được kiến thức nâng cao trong một lĩnh vực chuyên môn
  - S.O.4.1 - Phân tích các vấn đề trong một chuyên ngành
  - S.O.4.2 - Đánh giá các vấn đề trong một chuyên ngành từ nhiều khía cạnh khác nhau
  - S.O.4.3 - Phát triển một giải pháp cho các vấn đề trong chuyên ngành
- S.O.5 - Thể hiện khả năng nghiên cứu
  - S.O.5.1 - Hình thành câu hỏi nghiên cứu
  - S.O.5.2 - Diễn đạt các lập luận ban đầu bằng cách sử dụng lý thuyết
  - S.O.5.3 - Diễn dịch các loại chứng cớ
- S.O.6 - Giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả
  - S.O.6.1 - Thể hiện kỹ năng nói và viết
  - S.O.6.2 - Thể hiện khả năng làm việc hợp tác với người khác trong lớp
  - S.O.6.3 - Thể hiện kỹ năng lãnh đạo
  - S.O.6.4 - Thể hiện khả năng phỏng vấn hiệu quả
  - S.O.6.5 - Tiến hành các hoạt động ngoài chương trình giảng dạy, các sự kiện xã hội,…
- S.O.7 - Thực hiện các kỹ năng định lượng trong việc ra quyết định
  - S.O.7.1 - Thể hiện khả năng giải quyết các bài toán kinh doanh có tính định lượng trong bối cảnh lớp học
  - S.O.7.2 - Thuần thục các phần mềm thống kê trong giải quyết các bài toán kinh doanh
  - S.O.7.3 - Nắm vững các công cụ thích hợp để thu thập / phân tích dữ liệu sơ cấp hoặc thứ cấp
  - S.O.7.4 - Thiết kế các mô hình định lượng để giải quyết các vấn đề kinh doanh
- S.O.8 - Thể hiện mối quan tâm đến các vấn đề pháp lý và đạo đức mà người học phải đối mặt
  - S.O.8.1 - Nhận thức được các khía cạnh pháp lý / đạo đức của một quyết định kinh doanh
  - S.O.8.2 - Cân đối được những đánh đổi được tạo ra bằng việc áp dụng các lý thuyết và quan điểm đạo đức có tính cạnh tranh.
  - S.O.8.3 - Xây dựng và bảo vệ một đề xuất được hỗ trợ tốt để giải quyết một vấn đề về đạo đức
- S.O.9 - Quan tâm đến sự khác biệt giữa các thể chế, phương thức kinh doanh, văn hóa và nền kinh tế toàn cầu

S.O.9.1 - Nhận thức được thái độ, giá trị và niềm tin của cá nhân và của người khác trong sự hình thành các mối quan hệ kinh doanh
S.O.9.2 - Thể hiện mối quan tâm về khởi nghiệp trong môi trường toàn cầu
S.O.9.3 - Thể hiện mối quan tâm về sự khác biệt văn hóa và đề xuất các phương pháp lãnh đạo tận dụng sự đa dạng để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
S.O.9.4 - Khái niệm hóa các lực lượng phi thị trường quốc tế, khu vực và địa phương vào các quyết định chiến lược của các tập đoàn đa quốc gia

5.1 Chuẩn đầu ra theo CDIO (English)

S.O - Program learning outcomes and Student Outcomes
- S.O.1 - Acquire general knowledge
  - S.O.1.1 - Demonstrate foundation knowledge of maths
  - S.O.1.2 - Demonstrate foundation knowledge of natural science
  - S.O.1.3 - Demonstrate foundation knowledge of humanities and social science
  - S.O.1.4 - Demonstrate foundation technical knowledge outside the major
- S.O.2 - Acquire knowledge of the functional areas of business
  - S.O.2.1 - Identify and analyze a business problem through the lens of Economics
  - S.O.2.2 - Identify and analyze a business problem through the lens of Accounting and Finance
  - S.O.2.3 - Identify and analyze a business problem through the lens of Marketing
  - S.O.2.4 - Identify and analyze a business problem through the lens of Production management
  - S.O.2.5 - Identify and analyze a business problem through the lens of Management
  - S.O.2.6 - Identify and analyze a business problem through the lens of Quantitative tools
- S.O.3 - Acquire knowledge of the interrelationships among the functional areas within a business.
  - S.O.3.1 - Analyze a business problem involving two or more functional areas.
  - S.O.3.2 - Assess capabilities and deficiencies of a firm from various functional perspectives
- S.O.4 - Acquire advanced knowledge in a specialization area
  - S.O.4.1 - Analyze the issues in a specialization
  - S.O.4.2 - Evaluate the issues in a specialization from various perspectives
  - S.O.4.3 - Develop a solution to the issues in the specialization
- S.O.5 - Demonstrate research capability
  - S.O.5.1 - Formulate research questions
  - S.O.5.2 - Express original arguments using theory
  - S.O.5.3 - Interpret various types of evidence
- S.O.6 - Communicate and work in team effectively
  - S.O.6.1 - Demonstrate oral and writing skills
  - S.O.6.2 - Demonstrate ability to work collaboratively with others in class setting
  - S.O.6.3 - Demonstrate leadership skills
  - S.O.6.4 - Demonstrate ability to make effective interviews
  - S.O.6.5 - Conduct extra-curriculum activities, social events,…
- S.O.7 - Conduct quantitative skills in decision making
  - S.O.7.1 - Demonstrate ability to solve quantitative business problems in class setting
  - S.O.7.2 - Excel statistical softwares in solving business problems
  - S.O.7.3 - Master appropriate tools to collect/ analyze primary or secondary data
  - S.O.7.4 - Design quantitative models for solving business problems
- S.O.8 - Show concerns to legal and ethical issues confronting them
  - S.O.8.1 - Be aware of the legal/ethical dimension(s) of a business decision
  - S.O.8.2 - Balance the trade-offs created by application of competing ethical theories and perspectives
  - S.O.8.3 - Formulate and defend a well-supported recommendation for the resolution of an ethical issue.
- S.O.9 - Care for the differences among institutions, business practices, cultures, and global economies
  - S.O.9.1 - Be aware of the personal and contrasting attitudes, values, and beliefs that shape business relationships.
  - S.O.9.2 - Show concerns with entrepreneurship in the global environment
  - S.O.9.3 - Show concerns with cultural differences and recommend leadership approaches that leverage diversity to enhance business performance.
  - S.O.9.4 - Conceptualize international, regional, and local non-market forces into strategic decisions of multinational corporations.

5.2 Chuẩn đầu ra theo ABET (Vietnamese)

5.2 Chuẩn đầu ra theo ABET (English)

6.Chuẩn Đầu Ra Và Môn Học (Matrix SO and Subject)

6.1 CDIO

CDIO / Mã MH	SP1007	IM3325	CH3389	MI1003	IM1001	IM3051	IM1017	IM1011	IM1003	LA1003	PE1003	IM4033	CO1027	IM1007

CDIO / Mã MH	SP1007	IM3325	CH3389	MI1003	IM1001	IM3051	IM1017	IM1011	IM1003	LA1003	PE1003	IM4033	CO1027	IM1007
S.O.1.1														
S.O.9.1		V			V			V						
S.O.8.1						V	V		V					
S.O.7.1							V	V	V					
S.O.6.1					V	V			V			V		V
S.O.5.1												V		
S.O.4.1														
S.O.3.1														
S.O.2.1									V					V
S.O.1.2														
S.O.9.2														
S.O.8.2		V				V								
S.O.7.2														
S.O.6.2		V						V	V					V
S.O.5.2												V		
S.O.4.2														
S.O.3.2														
S.O.2.2														
S.O.1.3					V									
S.O.9.3		V												
S.O.8.3		V				V								
S.O.7.3												V		
S.O.6.3														
S.O.5.3												V		
S.O.4.3		V												
S.O.2.3														
S.O.1.4														
S.O.9.4														
S.O.7.4														
S.O.6.4		V												
S.O.2.4														
S.O.2.5						V		V						
S.O.6.5														
S.O.2.6							V	V						

CDIO / Mã MH	LA1005	IM2017	MT1007	PE1005	MT1017	LA1007	IM2019	CO2013	IM1009	SP1033	IM4327	CH1003	PE1007	IM2029
S.O.1.1														
S.O.9.1		V												V
S.O.8.1							V		V		V			
S.O.7.1							V		V					
S.O.6.1		V					V		V					

CDIO / Mã MH	LA1005	IM2017	MT1007	PE1005	MT1017	LA1007	IM2019	CO2013	IM1009	SP1033	IM4327	CH1003	PE1007	IM2029
S.O.5.1											V			
S.O.4.1		V												
S.O.3.1							V							V
S.O.2.1									V					
S.O.1.2														
S.O.9.2														
S.O.8.2														
S.O.7.2														
S.O.6.2		V					V		V		V			V
S.O.5.2											V			
S.O.4.2		V												
S.O.3.2							V							
S.O.2.2														
S.O.1.3														
S.O.9.3														
S.O.8.3														
S.O.7.3											V			
S.O.6.3														
S.O.5.3											V			
S.O.4.3		V												
S.O.2.3														
S.O.1.4														
S.O.9.4														
S.O.7.4											V			
S.O.6.4														
S.O.2.4														
S.O.2.5														
S.O.6.5														
S.O.2.6														

CDIO / Mã MH	IM1015	SP1035	EN3087	LA1009	SP1037	IM2031	EN3099	IM1019	GE1013	IM2033	IM1029	SP1039	SP1031	IM2035
S.O.1.1														
S.O.9.1								V						
S.O.8.1	V													
S.O.7.1	V					V				V	V			
S.O.6.1	V							V		V	V			
S.O.5.1														
S.O.4.1														
S.O.3.1														
S.O.2.1						V		V			V			
S.O.1.2														

CDIO / Mã MH	IM1015	SP1035	EN3087	LA1009	SP1037	IM2031	EN3099	IM1019	GE1013	IM2033	IM1029	SP1039	SP1031	IM2035
S.O.9.2														
S.O.8.2														
S.O.7.2														
S.O.6.2	V					V								V
S.O.5.2														
S.O.4.2														
S.O.3.2														
S.O.2.2	V									V				
S.O.1.3														
S.O.9.3														
S.O.8.3														
S.O.7.3						V								
S.O.6.3														
S.O.5.3														
S.O.4.3														
S.O.2.3														
S.O.1.4														
S.O.9.4														
S.O.7.4														V
S.O.6.4														
S.O.2.4											V			
S.O.2.5														
S.O.6.5														
S.O.2.6														V

CDIO / Mã MH	IM3047	IM3023	IM3059	IM3055	IM3063	IM3041	IM3069	IM3081	IM3087	IM3083	IM4001	IM3085	IM3009	IM3033
S.O.1.1														
S.O.9.1	V													
S.O.8.1		V							V	V				
S.O.7.1		V				V					V	V		
S.O.6.1	V		V	V	V		V	V	V	V	V		V	
S.O.5.1											V			
S.O.4.1		V		V		V		V		V	V	V	V	V
S.O.3.1	V		V		V		V		V					
S.O.2.1														
S.O.1.2														
S.O.9.2							V	V						V
S.O.8.2													V	
S.O.7.2					V	V								
S.O.6.2					V		V	V	V	V	V		V	V
S.O.5.2											V			

CDIO / Mã MH	IM3047	IM3023	IM3059	IM3055	IM3063	IM3041	IM3069	IM3081	IM3087	IM3083	IM4001	IM3085	IM3009	IM3033
S.O.4.2				V		V					V	V	V	
S.O.3.2			V		V									
S.O.2.2														
S.O.1.3														
S.O.9.3														
S.O.8.3													V	
S.O.7.3						V			V			V		
S.O.6.3											V			
S.O.5.3											V			
S.O.4.3		V		V		V		V		V		V		
S.O.2.3														
S.O.1.4														
S.O.9.4			V					V				V		
S.O.7.4						V						V		
S.O.6.4	V										V			
S.O.2.4														
S.O.2.5														
S.O.6.5														
S.O.2.6														

CDIO / Mã MH	IM4007	IM4019
S.O.1.1		
S.O.9.1	V	
S.O.8.1	V	
S.O.7.1		V
S.O.6.1	V	
S.O.5.1		
S.O.4.1		V
S.O.3.1		
S.O.2.1		
S.O.1.2		
S.O.9.2		
S.O.8.2		
S.O.7.2		
S.O.6.2	V	
S.O.5.2		
S.O.4.2		V
S.O.3.2	V	
S.O.2.2		
S.O.1.3		
S.O.9.3	V	

CDIO / Mã MH	IM4007	IM4019
S.O.8.3		
S.O.7.3		
S.O.6.3		
S.O.5.3		
S.O.4.3		V
S.O.2.3		
S.O.1.4		
S.O.9.4		
S.O.7.4		
S.O.6.4		
S.O.2.4		
S.O.2.5		
S.O.6.5		
S.O.2.6		

6.2 ABET

CDIO / Mã MH	SP1007	IM3325	CH3389	MI1003	IM1001	IM3051	IM1017	IM1011	IM1003	LA1003	PE1003	IM4033	CO1027	IM1007

CDIO / Mã MH	LA1005	IM2017	MT1007	PE1005	MT1017	LA1007	IM2019	CO2013	IM1009	SP1033	IM4327	CH1003	PE1007	IM2029

CDIO / Mã MH	IM1015	SP1035	EN3087	LA1009	SP1037	IM2031	EN3099	IM1019	GE1013	IM2033	IM1029	SP1039	SP1031	IM2035

CDIO / Mã MH	IM3047	IM3023	IM3059	IM3055	IM3063	IM3041	IM3069	IM3081	IM3087	IM3083	IM4001	IM3085	IM3009	IM3033

CDIO / Mã MH	IM4007	IM4019